TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **53**/2025/QĐST-DS	*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 147; khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 278, 280, 357, 463,466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 310/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ H, phường C, thành Phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên*).*

Đồng bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1971 và ông Bùi Minh Q, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Tổ G, phường C, thành Phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên*).*

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nội dung: Bà Trần Thị X và ông Bùi Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L số tiền gốc và lãi là 527.000.000đ *(năm trăm hai mươi bẩy triệu đồng).*

2.2 Về án phí: - Bà Trần Thị X và ông Bùi Minh Q liên đới phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.540.000đ *(mười hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng)* vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ *(mười một triệu đồng)* theo biên lai thu số 0002359 ngày 19/11/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà L *có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà* X*, ông* Q *không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.*

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 1 - TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Duy Chinh